

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 513/2024/HS-ST

Ngày: 06-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trường Sơn.

2. Bà Võ Thị Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 742/2024/HSST ngày 02/10/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5333/2024/QĐXXST-HS, ngày 07/10/2024, đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: **Vũ Văn N**; giới tính: nam; sinh năm 1997 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú và cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: Lớp 7/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 01/4/2022, bị Bộ đội Biên phòng tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPHC về hành vi khai thác ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn C**; giới tính: nam; sinh năm 1993 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú và cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Q và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 01/04/2022, bị Bộ đội Biên phòng tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC về hành vi khai thác ở vùng nước nội

thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Trần Văn C2**; giới tính: nam; sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú và cư trú: Xóm D, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; trình độ học vấn: Lớp 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 01/04/2022, bị Bộ đội Biên phòng tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC về hành vi khai thác ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Cao Văn H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C trong một vụ án khác; có mặt.

2/ Nguyễn Văn T4, sinh năm 1980; nơi cư trú: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3/ Trần Văn H2, sinh năm 1980; nơi cư trú: P, chung cư B P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút, ngày 05/5/2022, T7 - Cục C4, Bộ C5 phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực Cồn Ngựa ven biển, thuộc địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện 12 phương tiện có lắp thiết bị hút cát có tải trọng từ 591 đến 1.793 tấn đang hoạt động khai thác cát không phép. T7 tiến hành lập biên bản kiểm tra, tạm giữ 12 phương tiện và 7.468,17 m³ cát trên 11 phương tiện trong đó có 01 phương tiện không có cát tại thời điểm kiểm tra. Các phương tiện hút cát có liên quan đến 03 nhóm đối tượng sau:

Nhóm 1: Trương Văn C3 điều hành 09 phương tiện tàu hút mang các biển kiểm soát HD-6656, HD-2535, HD-2328, HD-2455, VR-08006732, HD-3326, HD-6639, HP-3976 và ĐN-1033. Tại thời điểm kiểm tra, ngày 06/5/2022 có 09 tàu bị lập biên bản tạm giữ và 6.630,37 m³ cát khai thác trái phép.

Nhóm 2: Trần Văn H3 tự thuê và điều khiển phương tiện BV-1986, cùng với 04 thuyền viên thực hiện khai thác cát trái phép. Khi bị kiểm tra, lập biên bản tạm giữ tàu BV-1986 thì có 265,36 m³ cát khai thác trái phép.

Nhóm 3: Cao Văn H1 chỉ đạo 02 thuyền trưởng tên Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Văn H4 cùng 09 thuyền viên điều khiển tàu ND-3210 và tàu SG-8786 thực hiện việc khai thác cát. Khi bị kiểm tra, lập biên bản tạm giữ 02 tàu và 572,84 m³ cát khai thác trái phép.

Kết quả điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đề nghị truy tố đối với nhóm 1 gồm Trương Văn C3 cùng 21 bị can về các tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, “Đưa hối lộ”, “Môi giới hối lộ”, “Rửa tiền”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Vụ án đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử sơ thẩm.

Đối với nhóm 2: Ngày 08/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan trong vụ án hình sự đối với việc Trần Văn H3 cùng các thuyền viên tàu BV-1986 thực hiện việc khai thác cát biển trái phép tại khu vực biển C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với nhóm 3: Ngày 08/12/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan trong vụ án hình sự đối với việc Cao Văn H1 chỉ đạo Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn C, Vũ Văn N và Trần Văn C2 là thuyền trưởng, thuyền viên tàu SG-8786 với khối lượng cát khai thác đo đạc được là 233,58m³, được định giá là 29.586.877 đồng. Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan trong vụ án hình sự đối với việc Cao Văn H1 chỉ đạo Nguyễn Văn H4 cùng 04 thuyền viên tàu ND-3210, thực hiện việc khai thác cát biển trái phép tại khu vực biển C thuộc địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng cát khai thác được là 339,26m³ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H (PC03) để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định đối với Quyết định tách hành vi và tài liệu có liên quan trong vụ án hình sự vụ Cao Văn H1 chỉ đạo Nguyễn Văn T4 cùng Nguyễn Văn C, Vũ Văn N và Trần Văn C2 là thuyền trưởng, thuyền viên tàu SG-8786 với khối lượng cát khai thác đo đạc được là 233,58m³, được định giá là 29.586.877 đồng: Ngày 05/05/2022, khi T7, Cục C6 – Bộ C5 phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra phương tiện SG-8786 đang có hành vi khai thác cát trái phép, sử dụng hệ thống hút cát của phương tiện trực tiếp thả vòi hút tại biển C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm tra thuyền trưởng và các thuyền viên tàu SG-8786 không xuất trình được các loại giấy tờ như đăng kiểm, đăng ký phương tiện; thuyền trưởng, thuyền viên không có bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn đúng quy định, không xuất trình được giấy phép khai thác cát tại khu vực đang khai thác và không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc các trên phương tiện. Tổ công tác lập biên bản kiểm tra, tạm giữ phương tiện và 233,58 m³ cát biển trên tàu. Tại thời điểm kiểm tra thì trên tàu có Nguyễn Văn T4 là thuyền trưởng cùng các thuyền viên là Trần Văn C2, Nguyễn Văn C và Vũ Văn

N đã sử dụng hệ thống vòi hút, nổ máy, thả vòi xuống lòng biển để hút cát lên khoang chứa.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T4 khai nhận: Tánh là người điều khiển tàu hút SG-8786 hút cát tại biển Cồn Ngựa trên tàu còn có 03 thuyền viên là N, C2 và C. Khi bị lập biên bản kiểm tra thì không xuất trình được giấy phép khai thác và các giấy tờ của phương tiện. Tánh làm thuyền trưởng và thực hiện khai thác cát trái phép là theo chỉ đạo của Cao Văn H1 (tên thường gọi là D). H1 trả lương cho tánh với số tiền 15.000.000 đồng/tháng và T4 mới khai thác cát một lần vào ngày 05/05/2022 và bị kiểm tra.

Vũ Văn N, Nguyễn Văn C và Trần Văn C2 khai nhận: Khoảng 18 giờ ngày 05/05/2022, T4 thông báo cho N, C2 và C cùng tham gia đi hút cát trên tàu SG-8786. Tánh là người điều khiển tàu còn N, C và C2 thì kéo dây, điều khiển hệ thống máy và vòi bơm hút. Khoảng 21 giờ khi đến địa điểm hút cát và thực hiện hút cát trái phép lên khoang tàu, khi tàu đang trên đường về điểm đậu lúc này khoảng 23 giờ thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, lập biên bản với khối lượng cát nêu trên. Việc khai thác cát nêu trên không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền mà thực hiện theo chỉ đạo của Cao Văn H1 (tên thường gọi là D). H1 trả lương với mức từ 7.000.000 đồng/tháng đến 10.000.000 đồng/tháng và mới thực hiện hút cát lần đầu, chưa hưởng lương.

Cao Văn H1 khai nhận: Ngày 05/05/2022, H1 có chỉ đạo thuyền trưởng Nguyễn Văn T4 điều khiển tàu SG-8786 và Nguyễn Văn H4 điều khiển tàu ND-3210 ra khu vực biển C để hút cát biển và xác nhận 572,84 m³ cát bị tạm giữ trên tàu ND-3210 và SG-8786 vào ngày 05/05/2022 là do H1 chỉ đạo khai thác, H1 là người trả lương cho thuyền trưởng và thuyền viên. Cát khai thác được H1 vận chuyển bán cho người dân và đơn vị có nhu cầu. Tàu SG-8786 do H1 thuê của ông Trần Văn H2 với giá 30.000.000 đồng/tháng, chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng. Khi nhận tàu thì tàu đã hết hạn đăng kiểm, trên tàu đã gắn sẵn máy dây, hút cát, H1 chỉ mua thêm ống nhựa hút, con rùa hút cát để khai thác cát. Quá trình H1 dùng tàu này khai thác cát thì ông Trần Văn H2 không tham gia và H1 cũng không cho biết tàu đưa đi khai thác cát trái phép. Khi thuê tàu của H2 thì H1 báo thuê để vận chuyển đất bùn nạo vét.

Trần Văn H2, chủ tàu hút SG-8786 khai: Ông mua tàu này của ông Trịnh Văn T5 ở tỉnh Hải Dương vào năm 2019, khi mua tàu có biển kiểm soát HD-2599, sau đó ông đăng ký sang tên và đổi biển kiểm soát thành SG-8786, khi mua trên tàu đã có sẵn máy và thiết bị hút cát. Đến đầu tháng 4/2022 ông cho Cao Văn H1 thuê với giá 30.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng, mục đích thuê để vận chuyển bùn đất, cát đá cho các công trình. Khi cơ quan chức năng mời ông làm việc thì ông mới được biết H1 đem chiếc tàu này khai thác cát trái phép và bị tạm giữ. Ông chưa nhận được tiền thuê tàu Huy trả.

Kết quả xác minh tiền án, tiền sự: Ngày 08/11/2023, B có Văn bản số 2523 với nội dung trả lời: 03 thuyền viên tàu SG - 8786 gồm Nguyễn Văn C, Trần Văn C2 và Vũ Văn N là thuyền viên tàu SG - 8786 bị Bộ đội Biên phòng tỉnh B xử

phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản trái phép tại cửa biển B, tỉnh Bến Tre vào ngày 11/03/2022, hình thức phạt tiền 175.000.000 đồng/người. Đối với các thuyền trưởng, thuyền viên và chủ tàu còn lại không có thông tin bị xử phạt vi phạm hành chính. Kèm theo hồ sơ (bản sao y) của Bộ Đội biên phòng tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính, thể hiện:

Vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 11/03/2022, tại tọa độ 10o08.891'N – 106o50.009'E thuộc khu vực biển xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, Tổ tuần tra Đoàn Biên phòng C7, tỉnh Bến Tre tiến hành kiểm tra phương tiện SG-8786. Qua kiểm tra, trên phương tiện có 05 thuyền viên gồm: Đỗ Văn L, sinh năm 1995, ĐKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Trần Văn C2, sinh năm 1993, ĐKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Nguyễn Văn C, sinh năm 1993, ĐKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vũ Văn N, sinh năm 1997, ĐKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Phạm Văn K, sinh năm 1984, ĐKTT: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại thời điểm kiểm tra trên phương tiện có 212,92m³ cát, đồng thời 05 người trên phương tiện không xuất trình được hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số lượng cát trên.

Qua làm việc 05 người trên khai nhận: Vào lúc 07 giờ 00 phút, ngày 11/03/2022, ông Đỗ Văn L nhận được yêu cầu của ông Nguyễn Đức H5, sinh năm 1990, nơi thường trú: Thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai đưa phương tiện đi khai thác cát. Sau đó, ông Đỗ Văn L đồng ý và ông L đã cùng Trần Văn C2; Nguyễn Văn C; Vũ Văn N và Phạm Văn K đi khai thác cát. Đến khoảng 07 giờ 30 phút, ông L điều khiển phương tiện SG-8786 chở theo 04 người nêu trên từ kênh C, tỉnh Tiền Giang đến khu vực sông C thì neo đậu. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, ông L tiếp tục điều khiển phương tiện ra khu vực biển thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì phương tiện SG-8786 đến tọa độ trên thì ông L chỉ đạo 04 người trên tàu bỏ ống hút xuống biển để hút cát lên phương tiện, đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Tổ tuần tra Đoàn biên phòng C7 phát hiện, bắt giữ.

Kết quả, Bộ Đội biên phòng tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04/QĐ-XPHC ngày 01/04/2022, xử phạt Nguyễn Văn C đã có hành vi: Khai thác ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện là 212,72m³. Vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23, Điều 2 Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền: 175.000.000 đồng; hình phạt bổ sung buộc Nguyễn Văn C phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền tương đương trị giá phương

tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu là 300.000.000 đồng. Quyết định này đã được Nguyễn Văn C ký nhận vào ngày 04/04/2022, đến nay Nguyễn Văn C chưa nộp phạt.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 01/04/2022, xử phạt Trần Văn C2 đã có hành vi: Khai thác ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện là 212,72 m³. Vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 2 Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền: 175.000.000 đồng; hình phạt bổ sung buộc Trần Văn C2 phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu là 300.000.000 đồng. Quyết định này đã được Trần Văn C2 ký nhận vào ngày 04/04/2022, đến nay Trần Văn C2 chưa nộp phạt.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 01/04/2022, xử phạt Vũ Văn N đã có hành vi: Khai thác ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện là 212,72 m³. Vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 48 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/03/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23, Điều 2 Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền: 175.000.000 đồng; hình phạt bổ sung buộc Vũ Văn N phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền tương đương trị giá phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp tịch thu là 300.000.000 đồng. Quyết định này đã được Vũ Văn N ký nhận vào ngày 04/04/2022, đến nay Vũ Văn N chưa nộp phạt.

Ngày 03/6/2022, Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng cấp thành phố có Kết luận định giá tài sản số 3546/KL-HĐĐGTS, kết luận thời điểm ngày 05/5/2022 giá 572,84 m³ cát trên 02 tàu của H1 là 72.559.924 đồng; trong đó tàu SG-8786 có khối lượng cát, có trị giá 29.586.877 đồng.

Kết quả giám định của Công ty TNHH VinaControl Thành phố H về việc giám định khối lượng, chất lượng cát, kết luận toàn bộ cát tạm giữ tại thời điểm kiểm tra là “Khoáng sản cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường”, “Có thể được dùng làm cát san lấp”.

Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 2142-04/PC01-Đ4 ngày 28/5/2022; Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 338-33/PC01-Đ4 ngày 02/6/2022 về việc trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự (C09B) tại Thành

phố Hồ Chí Minh, Bộ C5 và ngày 16/9/2022, Cơ quan điều tra tiếp tục ra Quyết định trưng cầu giám định số 338-04A và Quyết định trưng cầu giám định số 338-04B Trưng cầu Trung tâm K2 và Công ty TNHH K3 để phối hợp với Phân viện Khoa học hình sự (C09B) tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ C5 kết luận xác định: “Tất cả các mẫu vật niêm phong gửi đi giám định đều là khoáng sản, là loại cát dùng để san lấp mặt bằng”, trong đó có 572,84 m³ cát trên hai tàu SG-8786 và NĐ-3210 do Cao Văn H1 chỉ đạo khai thác trái phép.

Ngày 23/5/2022, Cảng vụ Hàng Hải Thành phố H có văn bản số 435/CVHHTPHCM-PCHH xác định tọa độ, vị trí 12 phương tiện (trong đó có phương tiện SG-8786) bị kiểm tra tại khu vực Vịnh G (C) có vị trí trong phạm vi vùng nước cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Thành phố H. Hiện nay, tại khu vực nêu trên, Cảng vụ Thành phố H chưa nhận được hồ sơ dự án do Cơ quan có thẩm quyền chấp nhận hoạt động khai thác tại khu vực.

Ngày 31/8/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H có văn bản số 7332/STNMT-TNNKS về việc trả lời xác minh việc cấp phép khai thác khoáng sản cho các phương tiện hoạt động khai thác cát trên biển C, huyện C. Theo đó, kể từ năm 2013 đến hết ngày 06/5/2022, Ủy ban nhân dân Thành phố không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, kể từ đầu năm 2022 đến hết ngày 06/5/2022, trên vùng biển C, huyện C không có dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp bản xác nhận khối lượng cát, sỏi thu hồi trong quá trình thực hiện dự án.

Vật chứng của vụ án:

- 233,58m³ cát (hiện đang bảo quản tại Bến thủy nội địa S, ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Long An).

- 01 phương tiện thủy ký hiệu SG-8786 (Hiện đang tạm giữ tại Trung tâm quản lý đường thủy, Trạm lưu giữ - quản lý thiết bị và phương tiện thủy Sở Giao thông Vận tải Thành phố H).

Tại Bản Cáo trạng số 609/CT-VKS-P3, ngày 14/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Vũ Văn N và đồng phạm về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như Viện kiểm sát đã hệ thống tại bản Cáo trạng. Mặc dù ngày 01/04/2022, các bị cáo đã bị Bộ Đội biên phòng tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác ở vùng nước nội thủy, ven biển và các bị cáo chưa chấp hành nộp phạt, nhưng ngày 05/5/2022 các bị cáo lại tiếp tục sử dụng tàu SG-8786

thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép tại khu vực vùng biển C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, với khối lượng cát 233,58m³, có trị giá 29.586.877 đồng. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn C và Trần Văn C2 về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 227 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn C và Trần Văn C2, mỗi bị cáo tù 02 năm đến 03 năm tù và phạt bổ sung mỗi bị cáo 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với con tàu SG-8786 của ông Trần Văn H2, xét thấy con tàu trên đã được trang bị đầy đủ các phương tiện để khai thác cát. Vào thời điểm tháng 3/2022 ông H2 cho các bị cáo thuê tàu để khai thác cát ở khu vực biển thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và các bị cáo đã bị lực lượng chức năng xử phạt vi phạm hành chính. Do con tàu là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về lượng cát thu giữ: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên tịch thu toàn bộ số cát vi phạm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Ông Cao Văn H1 tranh luận với đại diện Viện kiểm sát như sau:

Ông thuê con tàu của ông Trần Văn H2 để chở đất cát công trình, do chưa ai thuê nên ông mua thêm ông nhựa hút cát để khai thác cát để bán và mới ngày đầu tiên khai thác cát nên ông H2 không biết ông sử dụng con tàu để khai thác cát trái phép. Ông đề nghị Tòa trả lại con tàu cho ông H2.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ông H1 như sau:

Khi Cao Văn H1 thuê tàu của ông Trần Văn H2 thì con tàu trên đã được trang bị đầy đủ các phương tiện để khai thác cát. Vào thời điểm tháng 3/2022, các bị cáo thuê tàu của ông H2 để khai thác cát ở khu vực biển thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và đã bị lực lượng chức năng xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, đến tháng 5 thì ông H2 lại tiếp tục cho thuê con tàu trên để các bị cáo thực hiện hành vi khai thác cát trái phép. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, đề nghị Tòa tuyên tịch thu con tàu trên để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Cao Văn H1 tranh luận lại với đại diện Viện kiểm sát như sau:

Vào thời điểm tháng 3/2022, các bị cáo thuê tàu này để khai thác cát ở khu vực biển thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre và đã bị lực lượng chức năng xử phạt vi phạm hành chính thì ông không biết. Còn lần này chính ông là người trực tiếp thuê để chở đất cát cho công trình chứ không phải các bị cáo thuê.

Đại diện Viện kiểm sát và ông H1 không tranh luận vấn đề nào khác và đều bảo lưu ý kiến đã tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin Tòa cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với vật chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được nên có căn cứ để xác định: 233,58m³ cát trên tàu SG-8786 mà T7 - Cục C4, Bộ C5 phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra bắt giữ vào khoảng 23 giờ 45 phút ngày 05/5/2022, tại khu vực Cồn Ngựa ven biển, thuộc huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là của Cao Văn H1 thuê Nguyễn Văn T4 cùng các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Văn N và Trần Văn C2 khai thác trái phép. Theo kết luận giám định của Trung tâm K2 và Công ty TNHH K3, có sự phối hợp của Phân viện Khoa học hình sự (C09B) tại Thành phố Hồ Chí Minh của Bộ C5 thì 233,58m³ cát trên tàu SG-8786 mà Thủy Đoàn II - Cục C4, Bộ C5 cùng các lực lượng chức năng tuần tra bắt giữ “ Là khoáng sản, là loại cát dùng để san lấp mặt bằng”. Theo kết luận số 3546/KL-HĐĐGTS, ngày 03/6/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì 233,58m³ cát trên có giá trị là 29.586.877 đồng. Trước khi thực hiện hành vi này thì vào ngày 01/04/2022 các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Văn N và Trần Văn C2 đã bị Bộ đội Biên phòng tỉnh B xử phạt hành chính, về hành vi khai thác khoáng sản trái phép, nên hành vi của các bị cáo Vũ Văn N, Nguyễn Văn C và Trần Văn C2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo mới phạm tội lần đầu và trong trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo đều là những người có hoàn cảnh khó khăn, đều là người làm nông, tận dụng lúc nông nhàn đi làm thuê để kiếm thêm thu nhập và mới làm ngày đầu tiên thì bị phát hiện, chưa được chủ trả

công; bị cáo Vũ Văn N có 03 con, bị cáo Nguyễn văn C có 02 con đều dưới 5 tuổi, bị cáo Trần Văn C2 còn sống phụ thuộc gia đình, nên các bị cáo này được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về áp dụng hình phạt: Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái biển. Lẽ ra, phải xử phạt các bị cáo mức án như đại diện Viện kiểm sát đề nghị để giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và răn đe cho những ai có ý định thực hiện những hành vi tương tự. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là những người làm công ăn lương, chịu sự điều hành, chỉ đạo của chủ; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đều là những người lao động và đối với các bị cáo này không cần chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo được. Do đó, áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo hưởng án treo và việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 227 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 còn quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng” nhưng xét thấy các bị cáo đều là người làm thuê và hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận một phần lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra xác định Cao Văn H1 có cho bị cáo Vũ Văn Ngọc Ứ trước số tiền 5.000.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Vũ Văn N phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 233,58m³ cát, là khoáng sản do các bị cáo khai thác trái phép, nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 phương tiện thủy ký hiệu SG-8786 là phương tiện của Trần Văn H2 cho Cao Văn H1 thuê để vận chuyển bùn đất, cát đá cho các công trình. Cao Văn H1 sử dụng để khai thác cát biển trái phép thì ông H2 hoàn toàn không biết, nên ông H2 không có lỗi. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 3 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại phương tiện thủy ký hiệu SG-8786 cho ông H2.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1. Xử phạt Vũ Văn N 02 (H7) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/11/2024).

Giao bị cáo Vũ Văn N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Xử phạt Nguyễn Văn C 02 (H7) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/11/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Chung thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử phạt Trần Văn C2 02 (H7) năm tù, về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/11/2024).

Giao bị cáo Trần Văn C2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo C2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Vũ Văn N phải có nghĩa vụ nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng, để sung vào ngân sách Nhà nước

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu 233,58m³ cát, để sung vào ngân sách nhà nước.

Hiện 233,58m³ cát trên đang bảo quản tại Bến thủy nội địa S, ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Long An, theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12 tháng 6 năm 2022 giữa người giao ông Phạm Văn L1 – Chức danh: Điều tra viên thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và người nhận ông Nguyễn Văn L2 là người đại diện Bến thủy nội địa Sát Đức N1, ấp Ông R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho ông Trần Văn H2 01 phương tiện thủy ký hiệu SG-8786.

Hiện phương tiện thủy ký hiệu SG-8786 đang tạm giữ tại Trung tâm quản lý đường thủy, Trạm lưu giữ - quản lý thiết bị và phương tiện thủy Sở Giao thông Vận tải Thành phố H, theo Biên bản tiếp nhận phương tiện thủy vi phạm bị tạm giữ số 14/BBTN-LGQLTB ngày 16/6/2022, giữa ông Nguyễn Việt T6 – Chức danh: Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và ông Huỳnh Văn K1 - Trưởng Trạm lưu giữ - Quản lý thiết bị và phương tiện thủy.

Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Cao Văn H1 có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06/11/2024).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Đương sự; (3)
- THAHS TP.HCM; (3)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (24) (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu

